

Số: 1463 /QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày 04 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Danh mục văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai được Quốc hội Khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ năm**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng (Tờ trình số 101/TTr-STP ngày 17/6/2024).*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Danh mục văn bản quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai được Quốc hội Khóa XV thông qua tại Kỳ họp bất thường lần thứ năm.

(Chi tiết theo phụ lục đính kèm).

**Điều 2.**

1. Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng dự thảo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chi tiết các nội dung được giao trong Luật Đất đai năm 2024 đảm bảo chất lượng, trình tự, thủ tục, thời gian theo quy định của pháp luật.

2. Giao Sở Tư pháp theo dõi, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thực hiện Quyết định này.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Lao động – Thương binh và Xã hội, Tư pháp và Thủ trưởng các Sở, ngành tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Vụ VDCXDPL-BTP;
- Lưu: VT, NC<sub>h</sub>

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lâm Hoàng Nghiệp**



**DANH MỤC VĂN BẢN QUY ĐỊNH CHI TIẾT THI HÀNH LUẬT ĐẤT ĐAI ĐƯỢC QUỐC HỘI  
KHÓA XV THÔNG QUA TẠI KỲ HỌP BẤT THƯỜNG LẦN THỨ NĂM**

*(Kèm theo Quyết định số 1463 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2024  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)*

| STT | Nội dung giao quy định chi tiết                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Điều khoản của luật<br>giao quy định chi tiết | Cơ quan soạn<br>thảo                         | Dự kiến thời<br>gian trình |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------|
| 1.  | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình xây dựng quy định tại Điều này để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất; đơn giá bồi thường thiệt hại quy định tại Điều này bảo đảm phù hợp với giá thị trường và phải xem xét điều chỉnh khi có biến động để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất.                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Khoản 4 Điều 102                              | Sở Xây dựng                                  | Quý IV/2024                |
| 2.  | 4. Khi Nhà nước thu hồi đất mà gây thiệt hại đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển thì được bồi thường thiệt hại thực tế theo mức bồi thường cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định;<br>6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi theo quy trình sản xuất do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hoặc do địa phương ban hành theo quy định của pháp luật; đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi quy định tại Điều này bảo đảm phù hợp với giá thị trường và phải xem xét điều chỉnh khi có biến động để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất. | Khoản 4, 6 Điều 103                           | Sở Nông<br>nghiệp và Phát<br>triển nông thôn | Quý IV/2024                |
| 3.  | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định mức bồi thường tại khoản 1 Điều này.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | Khoản 2 Điều 104                              | Sở Tài nguyên<br>và Môi trường               | Quý IV/2024                |



|    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                  |                                     |                                                                                                                                                                                        |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------|-------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 4. | <p>4. Việc tổ chức thực hiện hỗ trợ bằng hình thức đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người có đất thu hồi là đất nông nghiệp, đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ được quy định như sau:</p> <p>b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định và điều kiện thực tế tại địa phương quy định mức hỗ trợ cụ thể phù hợp với từng đối tượng được hỗ trợ quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này; chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện quy định tại điểm c khoản này;</p> <p>5. Mức hỗ trợ cụ thể tại khoản 1 Điều này do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định căn cứ điều kiện thực tế của địa phương.</p> | Điểm b Khoản 4, Khoản 5 Điều 109 | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội | Sau khi Thủ tướng Chính phủ quyết định cơ chế, chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nghề cho người có đất thu hồi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 109 Luật Đất đai năm 2024. |
| 5. | <p>7. Người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị thì được bồi thường bằng đất ở, nhà ở tại chỗ; trong thời gian chờ bố trí tái định cư được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở; thời gian và mức hỗ trợ cụ thể do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với thực tế tại địa phương.</p> <p>10. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ vào quỹ đất ở, nhà ở tái định cư và tình hình thực tế tại địa phương quy định chi tiết về suất tái định cư tối thiểu quy định tại khoản 8 Điều này; quyết định việc hỗ trợ để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở cho các hộ gia đình còn thiếu theo quy định tại khoản 4 Điều này.</p> | Khoản 7, 10 Điều 111             | Sở Tài nguyên và Môi trường         | Quý IV/2024                                                                                                                                                                            |



|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |                                    |                             |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------|-------------|
| 6.  | Giấy tờ khác về quyền sử dụng đất có trước ngày 15 tháng 10 năm 1993 do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định phù hợp với thực tiễn của địa phương.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Điểm n khoản 1 Điều 137            | Sở Tài nguyên và Môi trường | Quý IV/2024 |
| 7.  | Điều 139. Giải quyết đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất có vi phạm pháp luật đất đai trước ngày 01 tháng 7 năm 2014<br>4. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp do tự khai hoang, không có tranh chấp thì được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất theo hạn mức giao đất nông nghiệp do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định;...<br>Điều 176. Hạn mức giao đất nông nghiệp<br>5. ... Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hạn mức giao đất chưa sử dụng cho cá nhân để đưa vào sử dụng theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. | Khoản 4 Điều 139, khoản 5 Điều 176 | Sở Tài nguyên và Môi trường | Quý IV/2024 |
| 8.  | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện, tập quán tại địa phương quy định cụ thể hạn mức công nhận đất ở quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này đối với trường hợp sử dụng đất trước ngày 18 tháng 12 năm 1980 và từ ngày 18 tháng 12 năm 1980 đến trước ngày 15 tháng 10 năm 1993;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Khoản 5 Điều 141                   | Sở Tài nguyên và Môi trường | Quý IV/2024 |
| 9.  | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này, quy định hạn mức nhận chuyển quyền sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân phù hợp với điều kiện cụ thể của địa phương.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Khoản 3 Điều 177                   | Sở Tài nguyên và Môi trường | Quý IV/2024 |
| 10. | Người sử dụng đất nông nghiệp được chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi để sử dụng đất kết hợp đa mục đích theo quy định tại Điều 218 của Luật này; được sử dụng một diện tích đất theo quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để xây dựng công trình phục vụ trực tiếp sản xuất nông nghiệp. Trường hợp sử dụng đất trồng lúa thì thực hiện theo quy định tại Điều 182 của Luật này.                                                                                                                                                                                                                                                         | Khoản 3 Điều 178                   | Sở Tài nguyên và Môi trường | Quý IV/2024 |



|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                                      |                             |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------|-----------------------------|-------------|
| 11. | <p>Điều 195. Đất ở tại nông thôn</p> <p>2. Căn cứ vào quỹ đất và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại nông thôn.</p> <p>Điều 196. Đất ở tại đô thị</p> <p>2. Căn cứ vào quỹ đất và tình hình thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định hạn mức giao đất ở cho cá nhân tại đô thị.</p> | Khoản 2 Điều 195 và khoản 2 Điều 196 | Sở Tài nguyên và Môi trường | Quý IV/2024 |
| 12. | <p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ nhu cầu thực tế về hoạt động tôn giáo và khả năng quỹ đất của địa phương để quy định hạn mức và quyết định diện tích đất giao cho tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc trên địa bàn tỉnh.</p>                                                                                                                               | Khoản 4 Điều 213                     | Sở Tài nguyên và Môi trường | Quý IV/2024 |
| 13. | <p>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, quy định khác của pháp luật có liên quan và phong tục, tập quán tại địa phương để quy định cụ thể điều kiện, diện tích tối thiểu của việc tách thửa đất, hợp thửa đất đối với từng loại đất.</p>                                                                                          | Khoản 4 Điều 220                     | Sở Tài nguyên và Môi trường | Quý IV/2024 |